TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10/6/2024
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Hiển.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Kha
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXX-ST ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Anh V ủy quyền cho chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; Nơi thường trú: tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giao nhận tài liệu với Tòa án. Văn bản ủy quyền ngày 07/3/2024

2. Bị đơn*:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về hôn nhân: anh và chị N được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn chị N về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tháng 4/2013 chị N đi lao động tại Đài Loan. Kể từ đó vợ chồng không còn liên lạc hỏi thăm nhau, không còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Phan Thị N.

Về con chung: Anh và chị N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 15/3/2004 và cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 13/3/2002. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phan Thị N là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 19/3/2024 và 05/4/2024, ông Phan Văn M là bố đẻ chị Phan Thị N cho biết.

Về hôn nhân của chị N, anh V ông cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh V làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2013 chị N đi lao động tại Đài Loan. Tuy nhiên, do có mâu thuẫn từ trước nên sau khi sang Đài Loan anh V, chị N không liên lạc với nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Ông có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn về ở với nhau để cùng chăm sóc con nhưng không được.

Về con chung: chị N, anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 15/3/2004 và cháu Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 13/3/2002. Hiện các cháu đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra ông cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị N sinh sống cùng gia đình tại thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi sang Đài Loan chị N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông đã thông báo cho chị N biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn" giữa anh V và chị N. Chị N cho biết: chị đồng ý ly hôn với anh V nhưng chị N không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, nơi ở và ý kiến bằng văn bản cho Tòa án được. Chị N đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn V vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị Phan Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Nguyễn Văn V; Biên bản làm việc với ông Phan Văn M là bố đẻ của chị Phan Thị N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V; xử:

Về hôn nhân: anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Phan Thị N.

Về con chung: Do các con anh V, chị N đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh V khởi kiện xin ly hôn chị N. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 5663/QLXNC-P3 ngày 20/3/2024 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị N xuất cảnh gần nhất ngày 07/5/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị N được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị N là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Phan Văn M (bố đẻ chị N) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị N ở Việt Nam là: thôn L, xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị N thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị N biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn" giữa anh Nguyễn Văn V và chị Phan Thị N. Gia đình chị N cho biết chị N vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị N không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị N tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xét xử vắng mặt bị đơn theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Phan Thị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 06/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Phan Thị N.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh V với chị N, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh V, chị N chung sống hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Năm 2013 chị N đi lao động tại Đài Loan. Kể từ đó đến nay anh V, chị N không còn liên lạc với nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Mặc dù, trong thời gian mâu thuẫn anh, chị đã chủ động nói chuyện hàn gắn tình cảm và được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được. Chị N hiện đang lao động tại nước ngoài, thông qua gia đình chị N cho biết chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh V. Do đó, Hội đồng xét xử xác định chị N, anh V không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh V với chị N là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về con chung: Do các con anh V, chị N đều đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không mắc bệnh hiểm nghèo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ: Do anh V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

- Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị N đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Phan Thị N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001102 ngày 12/3/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh Nguyễn Văn V đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phan Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã L, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Như Hiển